

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ QUYỀN BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

NGUYỄN HỮU LÝ*

Bài viết làm rõ vai trò của quyền được bảo đảm an sinh xã hội như một trụ cột pháp lý then chốt trong việc bảo vệ con người trước các rủi ro ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu. Pháp luật quốc tế đã từng bước xác lập các nghĩa vụ pháp lý cụ thể trong việc thiết kế và vận hành hệ thống an sinh xã hội theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu. Thông qua việc phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy, xu hướng chung là tiếp cận an sinh xã hội dựa trên quyền con người, lồng ghép rủi ro khí hậu ngay từ giai đoạn xây dựng chính sách và sử dụng các công cụ chuyển giao rủi ro tài chính nhằm tăng cường tính phòng ngừa, linh hoạt và bền vững. Từ đó, bài viết rút ra một số kinh nghiệm có ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam.

Từ khóa: An sinh xã hội; bảo vệ con người; biến đổi khí hậu; thích ứng khí hậu; pháp luật quốc tế.

This article clarifies the role of the right to social security as a key legal pillar in protecting people against the increasing risks posed by climate change. International law has gradually established specific legal obligations for designing and operating social security systems that are adaptive to climate change. An analysis of selected countries' experiences shows a common trend toward adopting a human rights-based approach to social security, integrating climate risks from the policy formulation stage, and using financial risk-transfer instruments to enhance prevention, flexibility, and sustainability. On that basis, the article draws several lessons of relevance to Vietnam.

Keywords: Social security; human protection; climate change; climate adaptation; international law.

NGÀY NHẬN: 15/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 19/7/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2026

Email: huulytravinh@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.368.2026.1615>

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu làm gia tăng các rủi ro xã hội, tác động trực tiếp đến sinh kế, thu nhập và khả năng tiếp cận dịch vụ công cơ bản. Những tác động này không chỉ mang tính môi trường mà còn đặt ra các vấn đề pháp lý, xã hội liên quan đến bảo đảm quyền con

người, đặc biệt là quyền được bảo đảm an sinh xã hội. Vì vậy, an sinh xã hội ngày càng được nhìn nhận như công cụ pháp lý bảo vệ cá nhân, cộng đồng trước rủi ro khí hậu, duy

* ThS, Trường Chính trị Phạm Hùng tỉnh Vĩnh Long

trì mức sống tối thiểu và ổn định xã hội. Cách tiếp cận dựa trên quyền đòi hỏi Nhà nước không chỉ khắc phục hậu quả thiên tai mà còn chủ động thiết kế chính sách có khả năng dự báo và thích ứng.

Pháp luật quốc tế về quyền con người đã ghi nhận quyền được bảo đảm an sinh xã hội và đặt nền tảng cho việc tích hợp nội dung này vào các chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu. Trên thực tế, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình an sinh xã hội thích ứng khí hậu với những cách tiếp cận và mức độ khác nhau, tạo ra các kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

2. Pháp luật quốc tế về quyền bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu

2.1. Quyền an sinh xã hội trong văn kiện quốc tế

Quyền được bảo đảm an sinh xã hội được ghi nhận lần đầu tiên trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) năm 1948. Trong đó, Điều 22 khẳng định: “với tư cách là một thành viên của xã hội, ai cũng có quyền hưởng an sinh xã hội, cũng như có quyền đòi được hưởng những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cần thiết cho nhân phẩm” thông qua nỗ lực quốc gia và hợp tác quốc tế. Điều 25 tiếp tục nhấn mạnh quyền được bảo đảm mức sống đầy đủ và các chế độ bảo hiểm trong trường hợp mất khả năng lao động, ốm đau, tật nguyền hoặc các rủi ro khác (Thư viện pháp luật, 09/8/2026).

Tiếp nối tinh thần của UDHR, Điều 9 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) năm 1966 đã tái khẳng định quyền an sinh xã hội như một quyền con người đầy đủ, mang tính chất bắt buộc đối với các quốc gia thành viên. Ủy ban về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR) - cơ quan giám sát ICESCR đã ban hành Bình luận chung số 19 (General Comment No.19, 2007), đưa ra định nghĩa hệ thống và tiêu chuẩn thực hiện quyền an sinh xã hội, bao gồm: tính sẵn có, khả năng tiếp cận, đầy đủ, bền vững, phù hợp về văn hóa và phi phân

biệt đối xử. Như vậy, pháp luật quốc tế nhấn mạnh rằng, an sinh xã hội không chỉ là chính sách xã hội đơn thuần mà còn là quyền con người được bảo vệ bởi luật quốc tế, tạo ra nghĩa vụ pháp lý rõ ràng cho các quốc gia.

Ngoài ra, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) giữ vai trò quan trọng trong thiết lập chuẩn mực an sinh xã hội. Công ước số 102 (1952) về chuẩn mực tối thiểu xác định 9 nhánh: chăm sóc y tế, trợ cấp ốm đau, thất nghiệp, tuổi già, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gia đình, thai sản, tàn tật và tử tuất. Các công ước và khuyến nghị tiếp theo tiếp tục cụ thể hóa từng lĩnh vực, như Công ước số 103, 121, 128 và Khuyến nghị số 162, 176 (Lê Thị Hoài Thu, 2014).

Đáng chú ý, Khuyến nghị số 202 (2012) về Sàn an sinh xã hội đã đưa ra cách tiếp cận hiện đại, coi an sinh xã hội như nền tảng phổ quát của phát triển bền vững và quản trị rủi ro. Khuyến nghị nhấn mạnh các mức bảo đảm tối thiểu cho mọi người dân, ưu tiên nhóm dễ bị tổn thương; đồng thời, đề cao nguyên tắc khả năng chống chịu trước các cú sốc, bao gồm: cú sốc khí hậu, thiên tai, khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh khí hậu toàn cầu biến đổi nhanh và khó lường, các chuẩn mực về an sinh xã hội ngày càng được gắn với khung chính sách khí hậu quốc tế. Thỏa thuận Paris (2015) khuyến nghị các bên tăng cường thích ứng, nâng cao khả năng chống chịu và giảm thiểu tính dễ tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu; đồng thời, thừa nhận vai trò của các biện pháp bảo trợ xã hội trong giảm thiểu rủi ro khí hậu, bảo vệ sinh kế và duy trì phúc lợi của các cộng đồng bị ảnh hưởng. Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt là Mục tiêu 1 (xóa nghèo) và Mục tiêu 13 (ứng phó biến đổi khí hậu) tiếp tục nhấn mạnh sự cần thiết kết hợp an sinh xã hội với chiến lược thích ứng khí hậu.

Như vậy, pháp luật quốc tế đã thiết lập khuôn khổ tương đối đầy đủ về quyền an sinh xã hội, từ các nguyên tắc quyền con người đến tiêu chuẩn chuyên ngành của ILO. Trước

tác động ngày càng mạnh của biến đổi khí hậu tới sinh kế và an toàn con người, việc tiếp cận, nội luật hóa và vận dụng các chuẩn mực này là yêu cầu khách quan để bảo đảm quyền an sinh xã hội một cách thực chất, bền vững, nhất là đối với các nhóm dễ bị tổn thương.

2.2. Nghĩa vụ quốc gia

Trên cơ sở khung pháp lý quốc tế về quyền an sinh xã hội, các quốc gia thành viên cần triển khai các nghĩa vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền an sinh xã hội. Theo Bình luận chung số 19 của CESCR, quốc gia phải: (1) Không cản trở việc thụ hưởng quyền; (2) Ngăn chặn hành vi xâm phạm của các chủ thể khác; (3) Chủ động xây dựng pháp luật, chính sách, ngân sách và cơ chế vận hành bảo đảm hệ thống an sinh xã hội hoạt động hiệu quả (CESCR, 2007). Hệ thống này phải sẵn có, dễ tiếp cận, bảo đảm mức độ phù hợp, bền vững và có khả năng ứng phó với các rủi ro mới nổi, trong đó có rủi ro khí hậu.

Thứ hai, nghĩa vụ thực hiện theo nguyên tắc “tiến bộ dần”. ICESCR không yêu cầu quốc gia ngay lập tức đạt mức bảo đảm cao nhất, nhưng phải sử dụng “nỗ lực tối đa” trong phạm vi nguồn lực sẵn có (Liên Hợp quốc, 1966). Các biện pháp “thoái lui”, như: cắt giảm chế độ hoặc thu hẹp phạm vi bao phủ chỉ được chấp nhận khi không có phương án thay thế hợp lý và phải được chứng minh bằng căn cứ khách quan (Office of the high commissioner for human rights, 1990).

Thứ ba, nghĩa vụ bảo đảm nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử. Theo Điều 2 ICESCR, đây là nghĩa vụ mang tính tuyệt đối, áp dụng ngay lập tức, không phụ thuộc vào năng lực tài chính của quốc gia. Nhà nước phải bảo đảm mọi cá nhân, đặc biệt là nhóm yếu thế, như: người nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em, người di cư có cơ hội tiếp cận bình đẳng với các chế độ an sinh xã hội (Liên Hợp quốc, 1966).

Bên cạnh những nghĩa vụ chung nêu trên, Việt Nam còn có những nghĩa vụ riêng

phát sinh từ việc tham gia vào các điều ước quốc tế về quyền con người và lao động:

Một là, nghĩa vụ từ các cam kết quốc tế. Việt Nam gia nhập ICESCR năm 1982 và tham gia nhiều công ước của ILO về bình đẳng giới, an toàn lao động, bảo vệ thai sản, lao động trẻ em. Đồng thời, tham gia Khung hành động Sendai (2015), Thỏa thuận Paris (2015) và các khuôn khổ an sinh xã hội toàn dân. Các cam kết này đặt ra yêu cầu xem an sinh xã hội là bộ phận quan trọng của hệ thống bảo vệ quyền con người và quản trị rủi ro khí hậu.

Hai là, nghĩa vụ nội luật hóa. Điều 34 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định quyền được bảo đảm an sinh xã hội. Các đạo luật chuyên ngành, như: Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Luật Bảo hiểm y tế là các bước cụ thể hóa nghĩa vụ quốc tế. Một số đạo luật đã tích hợp yếu tố rủi ro khí hậu trong thiết kế an sinh xã hội. Việc nội luật hóa đã, đang được thực hiện theo yêu cầu của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bảo đảm khả năng tiếp cận thực chất, bền vững và bao trùm cho mọi nhóm dân cư.

Ba là, nghĩa vụ báo cáo và đối thoại với cơ chế quốc tế. Việt Nam có trách nhiệm định kỳ báo cáo việc thực thi ICESCR; tiếp thu và triển khai các khuyến nghị của CESCR. Trong những chu kỳ gần đây, CESCR đã khuyến nghị Việt Nam mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc, tăng cường trợ giúp xã hội cho nhóm dễ bị tổn thương và cải thiện tính thích ứng của hệ thống an sinh xã hội trước biến đổi khí hậu. Những khuyến nghị này trở thành cơ sở quan trọng định hướng cải cách pháp luật quốc gia.

Như vậy, pháp luật quốc tế đã đặt ra hệ chuẩn mực rõ ràng về nghĩa vụ quốc gia đối với quyền an sinh xã hội. Việt Nam với tư cách thành viên của nhiều điều ước quốc tế quan trọng có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền an sinh xã hội theo các chuẩn mực quốc tế; đồng thời, chủ động tích

hợp yếu tố khí hậu vào hệ thống an sinh xã hội nhằm bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng chống chịu của xã hội.

3. Kinh nghiệm của một số quốc gia

Trong số các quốc gia phát triển, CHLB Đức nổi bật với việc xây dựng mô hình an sinh xã hội thích ứng khí hậu dựa trên nền tảng quản trị rủi ro hiện đại và khuôn khổ pháp lý mang tính phòng ngừa. Bên cạnh hệ thống an sinh xã hội phổ quát vận hành ổn định, CHLB Đức liên tục mở rộng phạm vi điều chỉnh pháp luật để thích ứng với rủi ro khí hậu gia tăng. Sau thảm họa lũ lụt năm 2021, CHLB Đức tiếp tục thúc đẩy cải cách pháp lý. Năm 2022, Chính phủ Đức công bố Báo cáo về việc giới thiệu bảo hiểm bắt buộc đối với thiệt hại do các yếu tố tự nhiên, trong đó, đánh giá tính khả thi pháp lý của bảo hiểm bắt buộc và khẳng định nhu cầu hình thành cơ chế chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước - thị trường bảo hiểm tư nhân- người dân (Federal Ministry of Finance, 2022). Báo cáo này là văn bản định hướng quan trọng, phản ánh lập trường chính thức của Chính phủ đối với việc tái cấu trúc bảo hiểm rủi ro thiên tai theo hướng mở rộng bao phủ và giảm gánh nặng cứu trợ ngân sách.

Tháng 7/2023, Quốc hội Liên bang đã thông qua Luật Liên bang về Thích ứng khí hậu (Bundes-Klimaanpassungsgesetz (KAnG)), đạo luật khung quốc gia đầu tiên quy định nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước trong việc thích ứng khí hậu. KAnG chuyển trọng tâm từ ứng phó sang phòng ngừa chiến lược, ràng buộc cả ba cấp liên bang - bang - địa phương phải tiến hành phân tích rủi ro khí hậu, công bố thông tin rủi ro công khai; đồng thời, xây dựng Kế hoạch thích ứng khí hậu khu vực có liên kết trực tiếp với các chương trình an sinh xã hội, từ bảo vệ sức khỏe cộng đồng, hỗ trợ nhà ở khẩn cấp đến trợ giúp nhóm dễ bị tổn thương.

Đáng chú ý, CHLB Đức còn sử dụng nguồn thu từ định giá carbon để bổ sung tài chính cho các chương trình hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa chính sách khí hậu và các chế độ an sinh xã

hội (World Bank, 2019). Cơ chế này không chỉ giúp bảo đảm nguồn lực ổn định, bền vững cho công tác ứng phó khí hậu mà còn tăng tính công bằng xã hội thông qua việc tái phân phối nguồn thu từ các ngành phát thải cao sang hỗ trợ người có nguy cơ tổn thương lớn nhất. Việc hoàn thiện đồng bộ khung pháp lý về bảo hiểm rủi ro khí hậu, luật thích ứng khí hậu và cơ chế phân bổ tài chính bền vững cho thấy mô hình an sinh xã hội của CHLB Đức mang tính đa tầng - phòng ngừa - tích hợp - dựa trên bằng chứng khoa học.

Tương tự CHLB Đức, Nhật Bản cũng là quốc gia có hệ thống quản trị rủi ro thiên tai và an sinh xã hội được xây dựng ở mức độ toàn diện, hình thành từ kinh nghiệm ứng phó lâu dài với thiên tai. Nhật Bản duy trì cơ chế phân cấp ứng phó thiên tai bốn cấp, trong đó chính quyền địa phương đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm dễ tổn thương khác. Nhật Bản còn thiết lập Quỹ dự phòng thiên tai quốc gia, đi kèm với các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế quy mô lớn nhằm giúp hộ gia đình nhanh chóng ổn định cuộc sống sau thiên tai (Asian Development Bank, 2020). Điểm đặc sắc của mô hình Nhật Bản là sự tham gia sâu rộng của cộng đồng trong các hoạt động phòng ngừa và ứng phó thiên tai, thông qua giáo dục, đào tạo và diễn tập thường xuyên. Đây là yếu tố làm tăng tính bền vững và khả năng chống chịu của hệ thống an sinh xã hội.

Đối với các quốc gia đang phát triển, trọng tâm thường là các cơ chế an sinh linh hoạt, chi phí thấp và dễ mở rộng khi nguồn lực công hạn chế. Bangladesh triển khai trợ giúp xã hội theo mùa cho nhóm nghèo trong các giai đoạn rủi ro cao như lũ lụt, bão (ILO, 2019); đồng thời, phát triển bảo hiểm vi mô rủi ro khí hậu trong nông nghiệp. Bảo hiểm dựa trên Chỉ số thời tiết (Weather-Index-Based Crop Insurance - WIBCI) là một công cụ chuyển giao rủi ro cho nông dân nhỏ. Bangladesh cũng đi đầu trong chuyển tiền mặt dự báo trước: hỗ trợ được giải ngân qua

hệ thống thanh toán di động khi dữ liệu dự báo của Trung tâm Cảnh báo và Dự báo Lũ lụt (FFWC) đạt ngưỡng rủi ro định trước.

Philippines là trường hợp đáng chú ý về tích hợp an sinh xã hội với quản lý rủi ro thiên tai. Quốc gia này gắn hệ thống an sinh với cơ chế quản lý rủi ro để tạo khả năng phản ứng linh hoạt, đa tầng. Chương trình chuyển tiền có điều kiện Pantawid Pamilyang Pilipino Program (4Ps) được bổ sung các thành phần thích ứng khí hậu và ưu tiên mở rộng bao phủ cho hộ nghèo tại khu vực rủi ro cao, tận dụng mạng lưới an sinh hiện có cho mục tiêu phòng ngừa và phản ứng sớm (Asian Development Bank, 2021). Philippines phát triển các công cụ chuyển giao rủi ro như bảo hiểm nông nghiệp thông qua PCIC và bảo hiểm vi mô thiên tai dựa trên chỉ số, giúp chi trả nhanh khi xảy ra thiệt hại. Mạng lưới cảnh báo sớm cấp cộng đồng và cơ chế di dời dự phòng (pre-emptive evacuation) kèm trợ cấp sinh kế giúp giảm tác động của thiên tai đối với nhóm dễ bị tổn thương và duy trì quyền an sinh trong quá trình di chuyển.

Sự khác biệt giữa hai nhóm quốc gia cho thấy, các quốc gia phát triển có điều kiện tập trung vào phòng ngừa rủi ro, ứng dụng công nghệ cao và xây dựng các cơ chế tài chính dài hạn; trong khi đó, các quốc gia đang phát triển chủ yếu chú trọng vào hỗ trợ khẩn cấp, chính sách linh hoạt và phương thức chi phí thấp nhưng hiệu quả trên diện rộng. Dù khác nhau về bối cảnh và nguồn lực, kinh nghiệm từ cả hai nhóm đều có giá trị tham khảo cho Việt Nam, đặc biệt trong việc phát triển hệ thống an sinh xã hội thích ứng khí hậu hướng tới cả mục tiêu giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng phục hồi của người dân.

4. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Việt Nam xếp thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu, thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn (Nguyễn Văn Tạo, 2024), thứ 6 trên thế giới về mức độ ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai và thứ 13 về chỉ số rủi ro cao trước biến đổi khí hậu (Võ Hồ Quốc Huy & cộng sự, 2024). Thực tiễn này đòi hỏi tích hợp chặt chẽ

chính sách an sinh xã hội với ứng phó biến đổi khí hậu như một chiến lược phát triển bền vững lâu dài. Đó là:

Thứ nhất, xây dựng hệ thống an sinh xã hội dựa trên cách tiếp cận quyền con người.

Điểm chung nổi bật từ các mô hình quốc gia là tiếp cận an sinh xã hội như một quyền con người có giá trị pháp lý, không chỉ là chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Tại Nhật Bản và nhiều quốc gia châu Âu, trong đó có CHLB Đức, quyền an sinh xã hội được hiến định hoặc bảo đảm bằng các đạo luật khung, qua đó, xác lập nghĩa vụ của Nhà nước trong bảo vệ người dân trước rủi ro khí hậu. Cách tiếp cận này đòi hỏi đầu tư ổn định, dài hạn, cùng cơ chế minh bạch, giám sát và trách nhiệm giải trình; các biện pháp hỗ trợ sau thiên tai, bảo hiểm rủi ro hay tái định cư được nhìn nhận như việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ quyền con người.

Đối với Việt Nam, khi an sinh xã hội được xác định rõ là quyền hiến định và pháp lý, các chính sách, như: hỗ trợ tái định cư, trợ giúp đột xuất, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm thiên tai cần chuyển từ logic “cứu trợ” sang “bảo đảm quyền”. Điều này đòi hỏi khung pháp lý thống nhất, ổn định, hạn chế phụ thuộc vào biến động ngắn hạn của ngân sách; đồng thời, tăng cường giám sát và trách nhiệm giải trình của các chủ thể công quyền trong bảo đảm quyền an sinh xã hội trước biến đổi khí hậu.

Thứ hai, tích hợp đầy đủ yếu tố khí hậu vào hệ thống pháp luật an sinh xã hội.

Điểm nổi bật ở các quốc gia nêu trên là tích hợp biến đổi khí hậu vào thiết kế chính sách an sinh xã hội ngay từ đầu. Nhật Bản lồng ghép rủi ro thiên tai vào chính sách bảo hiểm, y tế đối với người cao tuổi; Bangladesh tích hợp yếu tố khí hậu vào an sinh nông nghiệp; Philippines xây dựng cơ chế phản ứng sớm dựa trên thông tin dự báo. CHLB Đức gắn pháp luật thích ứng khí hậu với an sinh xã hội thông qua nguồn thu từ định giá carbon để hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương. Những cách tiếp cận này phản ánh xu hướng

chuyển từ ứng phó bị động sang phòng ngừa và thích ứng chiến lược.

Đối với Việt Nam, việc tích hợp yếu tố khí hậu vào pháp luật an sinh xã hội cần được thực hiện có hệ thống: đưa rủi ro khí hậu thành nội dung chính thức trong các đạo luật về an sinh xã hội hoặc nghiên cứu xây dựng luật khung; phát triển cơ chế bảo hiểm đối với nông nghiệp, thủy sản và sinh kế tại khu vực rủi ro cao; xây dựng cơ sở dữ liệu rủi ro khí hậu phục vụ chính sách dự báo và chủ động. Qua đó, hệ thống có thể chuyển từ “hỗ trợ sau thiên tai” sang “bảo đảm quyền phòng ngừa - giảm thiểu - thích ứng” phù hợp với xu thế quốc tế.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng thống nhất và có khả năng ứng phó khẩn cấp.

Thực tiễn tại Nhật Bản và Philippines cho thấy, khi các chương trình an sinh xã hội được thiết kế kèm theo cơ chế “kích hoạt khẩn cấp” trong trường hợp thiên tai, tốc độ hỗ trợ được cải thiện đáng kể, đồng thời, giảm thiểu tổn thất đối với người dân. Những cơ chế này bao gồm việc tự động mở rộng đối tượng thụ hưởng, đơn giản hóa thủ tục hành chính và bảo đảm tính liên tục của các dịch vụ công thiết yếu.

Đối với Việt Nam, kinh nghiệm này gợi mở yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng thống nhất, trong đó quyền an sinh xã hội cần được lồng ghép xuyên suốt trong các chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu. Đồng thời, cần luật hóa nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau” thông qua việc ưu tiên bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương và thiết lập cơ chế đánh giá tác động xã hội bắt buộc đối với các chính sách khí hậu. Việc bổ sung các quy định pháp lý về an sinh xã hội trong các tình huống khẩn cấp khí hậu sẽ góp phần nâng cao năng lực thích ứng của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam trước những thách thức ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu.

5. Kết luận

Việc tích hợp an sinh xã hội với chính sách ứng phó biến đổi khí hậu vừa là yêu cầu

thực tiễn, vừa là nghĩa vụ pháp lý xuất phát từ *Hiến pháp* và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật an sinh xã hội theo hướng dựa trên cách tiếp cận quyền, thống nhất và có khả năng thích ứng khí hậu, qua đó góp phần bảo đảm công bằng xã hội và phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp □

Tài liệu tham khảo:

- Asian Development Bank (2020). *Japan's Livelihood Recovery Grant System: A Good Practice Review*.
- Asian Development Bank (2021). *Climate-Informed Social Protection in the Philippines*.
- CESCR (2007). *General Comment No. 19: The Right to Social Security (Art. 9)*. UN Doc. E/C.12/GC/19.
- Federal Ministry of Finance (Germany) (2022). *Bericht der Bundesregierung an die Konferenz der Regierungschefinnen und Regierungschefs der Länder zur Einführung einer Pflichtversicherung für Elementarschäden*.
- Lê Thị Hoài Thu (2014). *Quyền an sinh xã hội và đảm bảo thực hiện trong pháp luật Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Liên Hợp quốc (1966). *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR)*.
- Nguyễn Văn Tạo (chủ biên) (2024). *An sinh xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới*. Nxb Lao động.
- Office of the high commissioner for human rights (1990). *General Comment No. 3: The Nature of States Parties' Obligations*. UN Doc. E/1991/23.
- Tổ chức Lao động quốc tế (2019). *Shock-Responsive Social Protection in Bangladesh*.
- Thư viện pháp luật (09/8/2026). *Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền (1948)*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quy-en-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>.
- Võ Hồ Quốc Huy, Trần Quốc Bửu, Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Kim Ngân & Nguyễn Trà My (2024). Tác động của thiên tai đến sự phát triển toàn diện của trẻ em ở khu vực nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, tập 15 kỳ 4 (số 82), tr. 43.
- World Bank (2019). *Using Carbon Pricing Revenues for Social Protection*.